

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ EGAP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ EGAP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EGAP VIETNAM TECHNOLOGY
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EGAP CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109354254

3. Ngày thành lập: 28/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô C24, ngõ 89 Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
2.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
8.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
12.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
13.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
14.	Lập trình máy vi tính	6201
15.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
16.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610

18.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Lập, thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình - Thiết kế, xây dựng công trình viễn thông - Tư vấn quản lý dự án - Tư vấn đấu thầu - Tư vấn, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	7110
19.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử - Hoạt động thương mại điện tử	4791
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;	7490
22.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
23.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
29.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
30.	Xây dựng công trình điện	4221
31.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
32.	Xây dựng công trình thủy	4291
33.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
34.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
36.	Phá dỡ	4311

37.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự trong ngành nghề này)	4312
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh	8299
40.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
41.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	3250
42.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
43.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
44.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
46.	Quảng cáo (trừ loại cầm)	7310
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (trừ hoạt động đấu giá bất động sản , đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
48.	Đào tạo sơ cấp	8531
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Loại trừ: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, truyền hình thời sự - chính trị. Loại trừ hoạt động báo chí	5911
51.	Hoạt động hậu kỳ	5912

52.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình, truyền hình thời sự - chính trị Loại trừ hoạt động báo chí,)	5913
53.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
54.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị; - Dịch vụ xúc tiến thương mại ;	8230
59.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
60.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
61.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
62.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
63.	Chăn nuôi gia cầm	0146
64.	Chăn nuôi khác	0149
65.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
66.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
67.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
68.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
69.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
70.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
71.	Trồng cây hàng năm khác	0119
72.	Trồng cây ăn quả	0121
73.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng gỗ và các loại lâm sản khác (trừ các loại lâm sản nhà nước cấm);	0210
74.	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến gỗ; (trừ các loại lâm sản nhà nước cấm);	0220
75.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến các loại lâm sản khác (trừ các loại lâm sản nhà nước cấm);	0231
76.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cấm)	4620
77.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

78.	Bán buôn thực phẩm	4632
79.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
80.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
81.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
82.	In ấn Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động in ấn bao bì	1811
83.	Dịch vụ liên quan đến in Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	1812
84.	Sao chép bản ghi các loại Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	1820
85.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: -Sản xuất mỹ phẩm - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
86.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
87.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
88.	Thu gom rác thải độc hại (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu, phế thải tại trụ sở chính)	3812
89.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
90.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu, phế thải tại trụ sở chính)	3822
91.	Tái chế phế liệu (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	3830
92.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	3900
93.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
94.	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
95.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: -Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy -Lắp đặt hệ thống chống trộm, camera quan sát -Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4322

96.	Bán buôn đồ uống Chi tiết -Bán buôn đồ uống có cồn -Bán buôn đồ uống không có cồn Loại trừ Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4633
97.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm.	4641
98.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá.	4649
99.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá.	4669
100.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá.	4690
101.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	4719
102.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
104.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5621
105.	Xuất bản phần mềm	5820
106.	Cổng thông tin Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động báo chí.	6312
107.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp lý) Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	6619
108.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
109.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

110.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8559
111.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
112.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
113.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
114.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
115.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TUÂN	Tổ 18, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	024079000193	
2	NGUYỄN THỊ HUỠNG	Số 1, Tổ 13, Đường Đồng Quang, Phường Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	500.000.000	50,000	090961895	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 090961895

Ngày cấp: 08/11/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, Tổ 13, Đường Đồng Quang, Phường Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1, Tổ 13, Đường Đồng Quang, Phường Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội